

Bản án số: 238/2017/HC-PT
Ngày 14 - 9 - 2017
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLPT-HC ngày 14 tháng 6 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2017/HC-ST ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 405/2017/QĐPT ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Hoài Nh, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh B; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 7 tầng 9 tòa nhà 65 Nguyễn Văn Tr, Phường 9, quận P, Thành phố H (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2016); (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh B, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh B; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch UBND tỉnh B; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Đường H, thị trấn T, huyện T, tỉnh B; vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Đường H, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T: Ông Nguyễn Công D – Phó Chủ tịch UBND huyện T; vắng mặt không có lý do mặc dù được triệu tập hợp lệ lần 2.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Trần Thị Hoài Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2016 và lời trình bày trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị Hoài Nh và người đại diện theo ủy quyền của bà Nh là ông Bùi Văn Đ trình bày:

Bà Trần Thị Hoài Nh khai hoang và sử dụng ổn định diện tích 500m² thuộc thửa đất 306, tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh B từ năm 1992 và có kê khai đóng thuế nhà đất đến năm 2008. Đến ngày 08/12/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nh. Bà Nh khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 giải quyết khiếu nại của bà Nh. Sau đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T. Gia đình bà sử dụng đất hợp pháp từ năm 1992, đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất nhưng các quyết định trên ban hành trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà Nh.

Nay bà Nh khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh B và yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND huyện T về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài Nh ngụ tại ấp T, xã T.

- Hủy Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh ngụ tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh B.

- Hủy Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh.

- Hủy Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T và

UBND huyện T, ông Nguyễn Công D trình bày:

UBND huyện T ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài Nh phù hợp quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện T ban hành các quyết định: Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh, Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung quy định pháp luật với các căn cứ sau:

- Về nguồn gốc đất:

Phần đất UBND xã T đề nghị thu hồi có diện tích 500 m² (trong đó có 161 m² đất hành lang đường bộ) thuộc tờ bản đồ số 10, xã T có nguồn gốc đất của Trạm xá xã T do Nhà nước quản lý.

- Về quá trình quản lý đất của UBND xã, giải quyết đối với khiếu nại của bà Nh:

Ngày 13/6/2003, UBND xã T tiến hành lập Biên bản đình chỉ việc xây dựng hàng rào B40 đối với bà Trần Thị Hoài Nh do đất Ủy ban nhân dân xã T cho gia đình bà Nh mượn tạm để ở và bà Nh bao chiếm thêm một phần đất dư ra sau khi hoàn thành Trạm bơm nước xã T (đất làm trạm bơm nước thu hồi của bà Trần Thị Th). Bà Trần Thị Hoài Nh khi đó có ý kiến làm hàng rào để chăn nuôi chứ không phải mục đích rào kiên cố để ở vĩnh viễn, khi nào Nhà nước thu hồi đất thì gia đình bà tự tháo dỡ không đòi bồi thường và cũng không xây dựng công trình cơ bản trên đất mượn để ở và ký tên vào biên bản này. Ngay sau đó, bà Trần Thị Hoài Nh đến UBND xã T mượn lại biên bản để xem và có hành vi tự ý xé bỏ biên bản tại UBND xã T.

Ngày 20/3/2008, UBND xã T ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/3/2008 về việc xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng nhà ở trái phép đối với bà Trần Thị Hoài Nh với số tiền 400.000 đồng và buộc tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại hiện trạng ban đầu do đã có hành vi xây dựng nhà ở trái phép.

Ngày 08/12/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND về việc thu hồi 500m² đất bà Nh đang sử dụng để mở rộng trạm bơm.

Ngày 10/12/2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T phối hợp cùng UBND xã T tổ chức công bố và bàn giao Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND huyện T cho bà Trần Thị Hoài Nh. Bà Nh đồng ý nhận quyết định nhưng không ký tên vào biên bản. Sau đó bà Nh có đơn khiếu nại Quyết định số 1486/QĐ-UBND.

Ngày 12/3/2009, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 181/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh. Bà Nh tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 29/12/2009, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số

5591/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nh.

Ngày 16/4/2010, Thanh tra huyện T tiến hành mời bà Nh đến làm việc về việc thực hiện Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Tại buổi làm việc, bà Nh có ý kiến: “Tôi đồng ý chấp hành theo quyết định nói trên, khi nào nhà máy nước mở rộng tôi sẽ tự tháo dỡ công trình trên đất. Nếu di dời các công trình trên đất của tôi thì hỗ trợ di dời cho gia đình tôi theo Biên bản kiểm tra hiện trạng đất ngày 30/7/2008”.

Ngày 11/5/2010, Thanh tra huyện T phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã T tiến hành tổ chức việc thực hiện Quyết định số 1486/QĐ-UBND của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nh và Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Bà Nh có ý kiến: “Tôi đồng ý chấp hành thực hiện theo quyết định nhưng cho tôi thời gian đến hết ngày 31/12/2010 để tự thanh lý cây trồng và công trình trên để giao đất cho UBND xã T quản lý”.

Sau đó, bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T hủy Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND huyện T về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài Nh.

Ngày 07/5/2013, UBND huyện T ban hành Công văn số 291/CV- UBND với nội dung: “Đồng ý xem xét hỗ trợ bằng tiền đối với diện tích 500m² đất nông nghiệp, đất công thu hồi của bà Trần Thị Hoài Nh đang sử dụng để xây dựng công trình mở rộng trạm bơm nước tập trung xã T”. Bà Nh đồng ý với phương án hỗ trợ tiền bồi thường của UBND huyện T và có đơn xin rút khỏi kiện.

Ngày 02/7/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Trần Thị Hoài Nh để giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng công trình với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 97.994.000 đồng. UBND huyện T cùng các phòng, ban và UBND xã T vận động, thuyết phục bà Nh bàn giao mặt bằng nhưng bà Nh không đồng ý và tiếp tục xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất bị thu hồi.

Ngày 06/6/2016, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nh. Quyết định đã được công bố và bàn giao cho bà Nh, niêm yết tại trụ sở UBND xã T và văn phòng ấp T theo quy định pháp luật.

Ngày 19/7/2016, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND đến ngày 20/8/2016. Tuy nhiên, bà Trần Thị Hoài Nh không chấp hành mà gửi đơn tố cáo đến UBND tỉnh B.

Ngày 19/8/2016, Ban thực hiện cưỡng chế số 327 đã tiến hành tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Hoài Nh và thực hiện xong Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B, kết quả như sau:

+ Đã tháo dỡ, san ủi toàn bộ công trình, vật kiến trúc và thanh lý toàn bộ cây trồng trên 500m² đất công bị thu hồi.

+ Tổ chức cắm mốc ngoài thực địa và bàn giao lại diện tích 500m² đất công cho UBND xã T quản lý.

Do đó, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài Nh về việc hủy các quyết định sau: Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008, Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009, Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ông Mai Hùng D trình bày:

Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh phù hợp quy định pháp luật.

Khu đất diện tích 500m² hiện bà Trần Thị Hoài Nh đang khiếu kiện có nguồn gốc là đất công do UBND xã T quản lý. Bà Trần Thị S – nguyên Chủ tịch UBND xã T năm 1992 có cho bà Trần Thị Hoài Nh mượn khu đất này để cất chòi may đồ nhằm cải thiện cuộc sống. Việc bà Trần Thị S cho bà Nh ở hay cho mượn khu đất 500m² nói trên đều không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 1987.

Năm 2003, bà Trần Thị Hoài Nh tiến hành xây dựng hàng rào B40 quanh khu đất, UBND xã T tiến hành lập biên bản đình chỉ xây dựng hàng rào và buộc tháo dỡ hàng rào B40 xây dựng trái phép. Tại biên bản ngày 13/6/2003 của UBND xã T, bà Trần Thị Hoài Nh cho rằng việc xây dựng hàng rào không phải mục đích rào kiên cố để ở vĩnh viễn, khi nào nhà nước thu hồi đất thì bà Nh tự tháo dỡ không đòi bồi thường và cũng không xây dựng công trình trên đất mượn ở tạm, cam kết những điều trên đây và xin thực hiện, không khiếu nại gì về sau này, nếu bà Nh vi phạm những điều này xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Nhưng đến năm 2008, bà Trần Thị Hoài Nh tiến hành xây dựng nhà; UBND xã T đã xử phạt hành chính tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/3/2008 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, căn cứ Điều 13 Luật Đất đai năm 1987; Khoản 5, Điều 38 và Điểm a, Khoản 1, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh là đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009.

Tại bản án số 07/2017/HC-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30; 32; 116; Điểm g Khoản 1 Điều 143; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Pháp lệnh số

10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đã tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị Hoài Nh về việc yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND huyện T về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài Nh; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh; Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài Nh đối với yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 04/5/2017, bà Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị tòa cấp phúc thẩm hủy các quyết định hành chính theo đơn khởi kiện của bà Nh.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ đại diện cho bà Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đất bà Nh sử dụng năm 1992 là đất hoang, là hồ bom. Gia đình bà Nh đã phải đổ đất san lấp, cải tạo để làm nhà, trồng cây, quá trình sử dụng có kê khai đóng thuế nêu đủ điều kiện được bồi thường về đất, việc xã cho rằng bà Nh mượn đất nhưng không đưa ra được chứng cứ mượn đất, quá trình bồi thường cũng chưa xem xét công sức san lấp, tôn tạo đất của bà Nh, quyết định thu hồi đất không ghi rõ số thửa; số thửa đất trong quyết định cưỡng chế là thửa khác, không phải là thửa đất thu hồi của bà Nh.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Theo hồ sơ vụ án thì UBND xã T xác nhận xã chưa có sổ sách quản lý phần đất 500m² bà Nh sử dụng. Việc xác định đất công là chưa rõ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ trình bày bà Nh có khai hoang, san lấp đất. Như vậy, cần thu thập chứng cứ làm rõ có việc bà Nh khai hoang, san lấp đất hay không để xem xét công sức của bà Nh, nội dung này cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]- Ngày 14/10/2016, bà Trần Thị Hoài Nh nộp đơn khởi kiện và ngày 01/11/2016 bà Nh nộp đơn khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân tỉnh B, yêu cầu hủy toàn bộ các quyết định sau: Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND huyện T về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài Nh; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh; Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài Nh; Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T.

[2]- Tại Quyết định 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất đã căn cứ vào các quyết định: Quyết định số 1486/QĐ-UBND, Quyết định số 181/QĐ-UBND, Quyết định số 5591/QĐ-UBND nêu trên, đây là các quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện T.

[3]- Tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính năm 2015 có quy định Hội đồng xét xử phải xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan.

[4]- Tại công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn như sau:

“Theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính thì:

1. Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính... quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:

...b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)...”.

Như vậy, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện”.

[5]- Theo các văn bản viện dẫn trên thì tòa cấp sơ thẩm khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nh về yêu cầu hủy Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 thì phải xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính liên quan nêu trên mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này

còn hay hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính. Từ việc xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính liên quan nêu trên mới có căn cứ để xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 516/QĐ-UBND và Quyết định số 753/QĐ-UBND. Mặt khác, bà Nh cũng khởi kiện các quyết định hành chính liên quan này và đã được tòa án thụ lý.

[6]- Cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nh đối với các quyết định: Quyết định số 1486/QĐ-UBND, Quyết định số 181/QĐ-UBND, Quyết định số 5591/QĐ-UBND nêu trên đã hết thời hiệu khởi kiện và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà Nh là không đúng pháp luật và không còn cơ sở để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nh đối với Quyết định số 516/QĐ-UBND và Quyết định số 753/QĐ-UBND.

Sai sót này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Về mặt nội dung:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích 500m² đất bà Nh bị thu hồi:

[7]- Trong Biên bản làm việc ngày 26/5/2009 (BL: 96), Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng ngày 13/3/2008 (BL:105), Biên bản làm việc ngày 05/12/2014 (BL: 59) bà Nh trình bày đất có nguồn gốc là đất công được xã cho sử dụng (cụ thể là bà Trần Thị S - Chủ tịch xã lúc đó cho sử dụng), không phải là đất mượn, khi cho sử dụng thì chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Gia đình bà đã san lấp, cải tạo và cất nhà ở từ năm 1992, có đóng thuế đất (BL: 41, 42, 43), trồng cây trái, gia đình bà sử dụng nhiều năm UBND xã không có ý kiến gì.

[8]- Tại biên bản xác minh ngày 24/8/2008 thì bà Trần Thị S – Nguyên là Chủ tịch UBND xã T, trình bày năm 1992 bà S có giải quyết cho bà Nh mượn một phần đất công (BL: 101).

[9]- Tại các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện T và của Chủ tịch UBND tỉnh B và bản tường trình của người bị kiện (BL: 112) thì cho rằng nguồn gốc đất bà Nh sử dụng là của Trạm xá xã T, do UBND xã T quản lý.

Theo quy định tại Điều 103 Luật đất đai năm 2003 thì việc UBND xã quản lý đất chưa sử dụng phải thể hiện trên sổ sách địa chính. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 26/5/2009 (BL: 96), đại diện UBND xã đã xác nhận diện tích đất bà Nh đang sử dụng để ngoài sổ sách của xã.

[10]- Như vậy, có sự mâu thuẫn về việc xác định nguồn gốc đất, cần thu thập chứng cứ, tài liệu để xác định có hay không việc UBND xã T đã quản lý đất này, văn bản quản lý, thời điểm quản lý, thu thập các giấy tờ tài liệu chứng minh việc UBND xã giao cho trạm xá xã sử dụng diện tích đất này để làm rõ diện tích đất trên có phải là đất công đã được UBND xã quản lý hay là đất hoang nhà nước chưa quản lý do bà Nh khai khẩn.

[11]- Cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ địa chính về nguồn gốc đất mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của đại diện người bị kiện và nội dung các quyết định

giải quyết khiếu nại để cho rằng diện tích 500m² đất bà Nh bị thu hồi là đất công, do UBND xã T quản lý là chưa có căn cứ vững chắc, chưa phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật đất đai năm 2003 và Điều 72 Luật đất đai năm 1993.

[12]- Bà Nh không thừa nhận có việc bà S cho mượn đất. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của bà S tại biên bản xác minh ngày 24/8/2008 để cho rằng bà Nh mượn đất là không có cơ sở, cần phải thu thập chứng cứ làm rõ có hay không việc bà Nh mượn đất hay bà Nh được bà S cho sử dụng đất. Ngoài ra, tại quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T có nội dung: Nguồn gốc đất bà Nh sử dụng là của trạm xá xã T. Trước năm 1992, ông L (xã đội trưởng) được bà S cho mượn đất cất quán giải khác đến năm 1992 thì trả lại, cần thu thập chứng cứ làm rõ nội dung này.

[13]- Bà Nh trình bày năm 1992 gia đình bà có san lấp, cải tạo đất để cất nhà ở (BL: 60). Nếu có việc bà Nh đầu tư vào đất, có san lấp đất thì phải xem xét bồi thường theo quy định, bảo đảm quyền lợi chính đáng của bà Nh.

[14]- Để xem xét các nội dung trên thì cần phải xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định về thu hồi, bồi thường, giải quyết khiếu nại của UBND các cấp. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định này, chưa xem xét nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét các quyết định này.

Từ nhận định trên xét thấy các sai sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm nên phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bà Nh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Hoài Nh; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2017/HC- ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết lại vụ án.

Bà Trần Thị Hoài Nh không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. **Hoàn lại cho bà Trần Thị Hoài Nh số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010663 ngày 25/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NKK;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- NBK;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, 14bTNB.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hùng